

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 306 /QĐ-UBND

Tuyên Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của
các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh V/v sửa đổi bổ sung Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình”;

Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh V/v ban hành Kế hoạch triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn 1489/SNV-CCHC ngày 23/11/2016 của Sở Nội vụ V/v hướng dẫn một số nội dung chấm điểm, xác định chỉ số CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 đối với các xã, thị trấn;

Theo đề nghị của trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tuyên Hóa (Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Lấy Chỉ số cải cách hành chính làm tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành, trách nhiệm của người đứng đầu UBND các xã, thị trấn và bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Nội vụ;
- TV Huyện ủy (B/c)
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH



Lê Nam Giang

DANH SÁCH
XẾP THỨ TỰ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA
CÁC XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 306 /QĐ-UBND ngày 14/02/2017 của
Chủ tịch UBND huyện)

TT	ĐƠN VỊ	Năm 2016								Năm 2015	
		Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Điểm điều tra XHH	Điểm thưởng	Điểm trừ	Tổng điểm	Chỉ số đạt được	Xếp hạng	Chỉ số đạt được	Xếp thứ tự
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=4+5+6+7)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thị trấn Đồng Lê	67	65	17.66	1	0	83.66	83.66%	Tốt	90.89%	(1)
2	Xã Châu Hóa	63.75	62.75	17.68	1	0	81.43	81.43%	Tốt	90.04%	(2)
3	Xã Lâm Hóa	64.5	62.75	17.47	1	0	81.22	81.22%	Tốt	82.68%	(16)
4	Xã Thanh Thạch	70.75	64.25	17.62	1	-2	80.87	80.87%	Tốt	89.95%	(4)
5	Xã Thanh Hóa	69.25	62	17.46	1	-1	79.46	79.46%	Khá	82.52%	(17)
6	Xã Thuận Hóa	70.5	62	17.42	1	-1	79.42	79.42%	Khá	83.43%	(13)
7	Xã Hương Hóa	66.5	61.5	17.55	1	-1	79.05	79.05%	Khá	84.54%	(11)
8	Xã Mai Hóa	70.15	61.4	17.63	1	-1	79.03	79.03%	Khá	89.96%	(3)
9	Xã Văn Hóa	65.25	61.25	17.14	1	-1	78.39	78.39%	Khá	83.11%	(14)
10	Xã Thạch Hóa	71	60.25	17.34	1	-1	77.59	77.59%	Khá	89.46%	(5)
11	Xã Tiên Hóa	71	60	17.1	1	-1	77.1	77.1%	Khá	84.28%	(12)
12	Xã Cao Quảng	66.75	58.25	17.12	1	-1	75.37	75.37%	Khá	87.43%	(6)
13	Xã Đồng Hóa	71	59.25	17.04	1	-2	75.29	75.29%	Khá	86.48%	(9)
14	Xã Lê Hóa	65.5	56.75	17.45	1	-1	74.2	74.2%	Khá	82.31%	(18)
15	Xã Phong Hóa	62.75	57.5	16.43	1	-1	73.93	73.93%	Khá	86.29%	(10)
16	Xã Sơn Hóa	65	57.5	17.04	1	-2	73.54	73.54%	Khá	82.74%	(15)
17	Xã Đức Hóa	73	54.65	17.25	1	-1	71.9	71.9%	Khá	87.26%	(7)
18	Xã Nam Hóa	71	53.5	16.85	1	-1	70.35	70.35%	Khá	79.77%	(19)
19	Xã Kim Hóa	67.25	52.15	16.14	1	-1	68.29	68.29%	Khá	87.17%	(8)
20	Xã Ngư Hóa	56.75	50.5	16.25	1	-1	66.75	66.75%	Khá	75.53%	(20)

19